**Assessment of Business Card Needs Among SB Post Covid-19 – Questionnaire**

1. Câu nào sau đây mô tả đúng nhất tình trạng công việc hiện tại của bạn?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
| Thất nghiệp | 1 |  |
| Học sinh/sinh viên | 2 |  |
| Nhân viên bán thời gian/bình thường | 3 |  |
| Nhân viên toàn thời gian | 4 |  |
| Chủ doanh nghiệp | 5 |  |
| Đã nghỉ hưu | 6 |  |
| Khác (vui lòng nêu rõ) | 7 |  |

1. Câu nào dưới đây mô tả đúng nhất ngành nghề hoạt động của doanh nghiệp bạn?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
| Kế toán/Kế toán viên | 1 |  |
| Dịch vụ chăm sóc sức khỏe/Dịch vụ y tế | 2 |  |
| Dịch vụ nhà cửa (Xây dựng, tân trang/sửa chữa nhà cửa, hệ thống ống nước/hệ thống sưởi, thông gió và điều hòa không khí, kiến trúc/thiết kế, v.v.) | 3 |  |
| Sản xuất | 4 |  |
| Dịch vụ pháp lý/Luật sư | 5 |  |
| Bất động sản, Cho thuê nhà/Cho thuê văn phòng | 6 |  |
| Nhà hàng/Dịch vụ ăn uống | 7 |  |
| Bán lẻ/Cửa hàng/Bán buôn (bao gồm hàng hóa cụ thể hoặc hàng tạp hóa, đồ dùng gia đình, đồ bán lẻ khác, v.v.) | 8 |  |
| Công nghệ, Truyền thông và Quảng cáo hoặc Viễn thông | 9 |  |
| Vận tải/Hậu cần | 10 |  |
| Các dịch vụ chuyên nghiệp/kinh doanh khác nhau (Tư vấn quản lý, Dịch vụ tài chính, Bảo hiểm, v.v.) | 11 |  |
| Khác | 12 |  |

1. Vui lòng có phải là người ra quyết định chính cho **việc thực hiện thanh toán của doanh nghiệp** không?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
| Đúng vậy, tôi là người duy nhất ra quyết định chính | 1 |  |
| Đúng vậy, tôi là một trong những người ra quyết định chính | 2 |  |
| Không, tôi không phải là người ra quyết định chính | 3 |  |

1. Vui lòng cho biết số lượng nhân viên ước tính trong tổ chức của bạn.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
| Một người/Người giao dịch duy nhất | 1 |  |
| 2 – 4 nhân viên | 2 |  |
| 5 – 9 nhân viên | 3 |  |
| 10 – 19 nhân viên | 4 |  |
| 20 – 50 nhân viên | 5 |  |
| > 50 nhân viên | 6 |  |

1. Vui lòng cho biết doanh thu ước tính hàng năm của tổ chức bạn.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
| Dưới 1 tỷ đồng | 1 |  |
| 1 - 2 tỷ đồng | 2 |  |
| 2,001 - 5 tỷ đồng | 3 |  |
| 5,001 - 10 tỷ đồng | 4 |  |
| 10,001 - 15 tỷ đồng | 5 |  |
| 15,001 - 20 tỷ đồng | 6 |  |
| >20 tỷ đồng | 7 |  |

5.1 Vui lòng cho biết doanh nghiệp của bạn hoạt động chính ở thành phố nào –

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
| Hà Nội | 1 |  |
| Thành phố Hồ Chí Minh | 2 |  |
| Đà Nẵng | 3 |  |
| Hải Phòng | 4 |  |
| Khác | 5 |  |

1. Bạn hiện đang tận dụng sản phẩm nào **sau đây, nếu có, dành riêng cho mục đích kinh doanh**? Vui lòng chọn tất cả các câu trả lời phù hợp

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| Tài khoản doanh nghiệp: Tài khoản séc/vãng lai/tiết kiệm | 1 |
| Thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng của doanh nghiệp | 2 |
| Tài khoản cá nhân: Tài khoản séc/vãng lai/tiết kiệm | 3 |
| Thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng cá nhân | 4 |
| Khoản vay kinh doanh hoặc hạn mức tín dụng | 5 |
| Không có cái nào ở trên | 6 |

**VUI LÒNG TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI DƯỚI ĐÂY CÓ LƯU Ý ĐẾN NHU CẦU THANH TOÁN CỦA DOANH NGHIỆP BẠN.**

1. Bạn sử dụng phương thức thanh toán **chính** nào để thực hiện việc thanh toán kinh doanh sau đây?

Câu hỏi này cần ít nhất một câu trả lời cho mỗi hàng

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Thẻ cá nhân | Thẻ doanh nghiệp | Tiền mặt | Séc | Chuyển khoản ngân hàng | Không áp dụng |
| 1. Chi phí đi lại (như vé máy bay, tàu hỏa, taxi, thuê ô tô) |  |  |  |  |  |  |
| 1. Chi phí khách sạn |  |  |  |  |  |  |
| 1. Chi phí ăn uống cho các cuộc họp kinh doanh |  |  |  |  |  |  |
| 1. Đồ dùng văn phòng (như phần cứng, văn phòng phẩm, phần mềm) |  |  |  |  |  |  |
| 1. Quảng cáo và quan hệ công chúng (như quảng cáo kỹ thuật số) |  |  |  |  |  |  |
| 1. Thanh toán cho nhà cung cấp (ví dụ như nguyên liệu thô, đóng gói, mua bán buôn) |  |  |  |  |  |  |
| 1. Thuế |  |  |  |  |  |  |
| 1. Bảo hiểm |  |  |  |  |  |  |
| 1. Hậu cần (như Fedex, DHL) |  |  |  |  |  |  |

1. Việc bạn sử dụng các phương thức thanh toán kinh doanh sau đây đã thay đổi như thế nào kể từ khi bắt đầu đại dịch COVID-19?

Câu hỏi này cần ít nhất một câu trả lời cho mỗi hàng

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Sử dụng nhiều hơn | Sử dụng như bình thường | Sử dụng ít hơn | Ngừng sử dụng | Chưa bao giờ sử dụng |
| 1. Thẻ tín dụng/thẻ ghi nợ cá nhân |  |  |  |  |  |
| 1. Thẻ tín dụng/thẻ ghi nợ doanh nghiệp |  |  |  |  |  |
| 1. Tiền mặt |  |  |  |  |  |
| 1. Séc |  |  |  |  |  |
| 1. Chuyển khoản ngân hàng – EFT |  |  |  |  |  |

1. Vui lòng đánh giá các tính năng sau đây của thẻ ghi nợ/tín dụng dựa trên mức độ phù hợp với bạn (là chủ doanh nghiệp/người quản lý doanh nghiệp).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Rất quan trọng (1) | Hơi quan trọng (2) | Hoàn toàn không quan trọng (3) |
| * 1. Miễn trừ trách nhiệm của công ty: Bảo vệ công ty khỏi các giao dịch trái phép hoặc gian lận do nhân viên của bạn thực hiện |  |  |  |
| * 1. Bảo vệ thương mại điện tử: Cho phép bạn khiếu nại các giao dịch mua trực tuyến mà không nhận được hàng hoặc hàng bị lỗi |  |  |  |
| * 1. Bảo vệ điện thoại di động: Bảo hiểm cho điện thoại di động trong trường hợp bị thiệt hại ngẫu nhiên và bị trộm cắp |  |  |  |
| * 1. Bảo vệ ví: Chi trả chi phí thay thế của ví bị mất và các vật dụng trong ví đó nếu thuộc trường hợp mất cắp hoặc vô tình làm mất. |  |  |  |
| * 1. Bảo hiểm du lịch: Cung cấp bảo hiểm tai nạn du lịch và chi phí y tế du lịch. |  |  |  |
| * 1. Các sự cố phát sinh trong chuyến đi: Bảo hiểm cho các trường hợp chậm chuyến, hủy chuyến, hoãn chuyến, hành lý đến chậm. |  |  |  |
| * 1. Chuyển vùng dữ liệu/WiFi: Cho phép bạn duy trì kết nối trên mạng di động của mình khi ở nước ngoài với gói dữ liệu 1 GB trong 5 ngày liên tục và giảm giá cho các gói tiếp theo. |  |  |  |
| * 1. Dịch vụ ưu đãi khi bị trì hoãn chuyến bay: Cung cấp đặc quyền lui tới phòng chờ miễn phí trong trường hợp chuyến bay bị hoãn |  |  |  |
| * 1. Giảm giá khi lui tới phòng chờ ở sân bay: Có quyền sử dụng hơn 1.000 phòng chờ sân bay trên toàn thế giới với mức giá ưu đãi, cùng chiết khấu dịch vụ ăn uống, spa và bán lẻ |  |  |  |
| * 1. Giảm giá đi xe Limousine của sân bay: Dịch vụ vận chuyển mặt đất với tài xế tận tâm phục vụ, từ sân bay đến trung tâm thành phố và ngược lại |  |  |  |
| * 1. Giảm giá ăn uống: Tiết kiệm chi phí ăn uống khi sử dụng dịch vụ của các đối tác bán hàng |  |  |  |
| * 1. Giảm giá khách sạn & du lịch: Tận hưởng ưu đãi độc quyền về du lịch và khách sạn |  |  |  |
| * 1. Điểm thưởng và/hoặc hoàn tiền: Nhận điểm thưởng có thể đổi lấy vé máy bay, ưu đãi ăn uống, v.v. hoặc hoàn tiền / tiền mặt được ghi có vào tài khoản thẻ của bạn để bù đắp cho lần mua hàng tiếp theo của bạn |  |  |  |

1. Dưới đây là một số lo ngại mà doanh nghiệp nhỏ đã bày tỏ, đặc biệt là trong bối cảnh đại dịch. Là một chủ sở hữu/người quản lý doanh nghiệp, vui lòng cho biết mức độ đồng ý/không đồng ý của bạn về các mối lo ngại sau đây trên thang điểm 5, trong đó 1 là ‘hoàn toàn đồng ý’ và 5 là hoàn toàn không đồng ý'.

Vui lòng chọn mã '6' trong trường hợp mã này không áp dụng cho doanh nghiệp của bạn.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Hoàn toàn đồng ý (1) | Hơi đồng ý (2) | Không đồng ý cũng không phản đối (3) | Hơi không đồng ý (4) | Hoàn toàn không đồng ý (5) | Không phù hợp với doanh nghiệp của tôi (6) |
| 1. Trong thời gian phong tỏa, cửa hàng thực của tôi phải đóng cửa. Tôi cần có cách bán sản phẩm/dịch vụ của mình trên mạng. |  |  |  |  |  |  |
| 1. Tôi cần quảng cáo doanh nghiệp của mình trên mạng vì người tiêu dùng ngày càng mua hàng qua thương mại điện tử nhiều hơn. |  |  |  |  |  |  |
| 1. Hiện nay, tôi đang mua nhiều hàng trên mạng hơn. |  |  |  |  |  |  |
| 1. Vì tôi đã hiện diện và có nhiều hoạt động trên mạng hơn nên tôi cần bảo vệ doanh nghiệp của mình khỏi các cuộc tấn công mạng và những kẻ lừa đảo. |  |  |  |  |  |  |
| 1. Tôi cần giảm chi phí, do đó tôi cần tự động hóa một số quy trình kinh doanh của mình như kế toán và quản lý chi phí. |  |  |  |  |  |  |
| 1. Tôi đang trải qua hoặc dự đoán được tình hình khủng hoảng tiền mặt do doanh thu giảm. Vì vậy, tôi cần sử dụng nguồn tài chính. |  |  |  |  |  |  |
| 1. Tôi cần đảm bảo sức khỏe, hạnh phúc và sự phát triển cá nhân cho nhân viên của mình để khiến họ cảm thấy được trân trọng. |  |  |  |  |  |  |

1. Dưới đây là danh sách các **giải pháp bảo hiểm**, chuyên cung cấp nhiều loại hình bảo vệ cho doanh nghiệp. Vui lòng xếp hạng các giải pháp này theo thứ tự về mức độ quan trọng đối với bạn là chủ sở hữu/người quản lý doanh nghiệp, trong đó hạng 1 là ‘**quan trọng nhất**’ và hạng 7 là ‘**ít quan trọng nhất**’.

|  |
| --- |
| 1. Bảo hiểm trách nhiệm của công ty: Bảo vệ công ty khỏi các giao dịch trái phép hoặc gian lận do nhân viên của bạn thực hiện |
| 1. Các sự cố phát sinh trong chuyến đi: Bảo hiểm cho trường hợp trì hoãn chuyến đi, tai nạn du lịch, hành lý đến chậm |
| 1. Bảo hiểm thương mại điện tử: Cho phép bạn khiếu nại các giao dịch mua trực tuyến mà không nhận được hàng hoặc hàng bị lỗi |
| 1. Kéo dài bảo hành: Kéo dài thời gian bảo hành tiêu chuẩn của sản phẩm để sửa chữa hoặc thay thế sản phẩm đã mua. |
| 1. Bảo hiểm trách nhiệm sản phẩm: Bảo vệ doanh nghiệp trong trường hợp sản phẩm do doanh nghiệp bán ra bị lỗi, gây thương tích cho người tiêu dùng hoặc gây thiệt hại về tài sản. |
| 1. Bảo hiểm yếu nhân: Bảo đảm cho doanh nghiệp khỏi bị mất lợi nhuận trong trường hợp mất đi người chủ chốt (người quyết định chính, người điều hành) của doanh nghiệp. |
| 1. Giảm giá bảo hiểm y tế theo nhóm cho nhân viên của bạn |

1. Dưới đây là danh sách các giải pháp bảo đảm **an ninh mạng** cho doanh nghiệp. Vui lòng xếp hạng các giải pháp này theo thứ tự mức độ quan trọng đối với bạn là chủ sở hữu/người quản lý doanh nghiệp, trong đó hạng 1 là ‘**quan trọng nhất**’ và hạng 3 là ‘**ít quan trọng nhất**’.

|  |
| --- |
| 1. Nhận được cảnh báo khi có mối đe dọa rằng thông tin đăng nhập của doanh nghiệp đã bị xâm phạm trong “web tối”, đồng thời kèm theo giải pháp đề xuất |
| 1. Dành cho các doanh nghiệp có sự hiện diện trực tuyến, thường xuyên tự động chấm điểm mức độ rủi ro của doanh nghiệp về lỗ hổng bảo mật cho phần mềm độc hại và mã độc tống tiền, cũng như rủi ro phần mềm và phần cứng, để giải quyết trước khi chúng có thể bị khai thác. |
| 1. Bảo hiểm trước những tổn thất tài chính phát sinh từ một cuộc tấn công mạng (ví dụ: vi phạm thông tin công ty, vi phạm bảo mật dữ liệu). |

1. Dưới đây là danh sách các ưu đãi về sản phẩm và giải pháp có thể có giá trị hoặc phù hợp với doanh nghiệp của bạn. Vui lòng xếp hạng các sản phẩm và giải pháp này theo mức độ quan trọng đối với bạn là chủ sở hữu/người quản lý doanh nghiệp, trong đó hạng 1 là ‘**quan trọng nhất**’ và hạng 5 là ‘**ít quan trọng nhất**’.

|  |
| --- |
| 1. Giảm giá đồ dùng văn phòng (ví dụ: phần cứng, đồ nội thất, văn phòng phẩm) |
| 1. Giảm giá phần mềm kinh doanh hoặc dịch vụ đám mây (ví dụ: phần mềm kế toán, lưu trữ đám mây, phần mềm nhân sự) |
| 1. Giảm giá phí hội viên cho các khóa đào tạo trực tuyến mà nhân viên của bạn tham gia |
| 1. Giảm giá quảng cáo kỹ thuật số |
| 1. Giảm giá du lịch & khách sạn khi đi công tác |